Biểu số 2- Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của BTC

Đơn vị: Sở Ngoại vụ tỉnh Cao Bằng

Chương: 411

DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo QĐ số 1996/QĐ-SNgV ngày 24/12/2022 của Sở Ngoại vụ tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	**Chi từ nguồn thu được để lại**	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**15.213.000.000**
1	**Chi quản lý hành chính**	**13.772.000.000**
	Loại 340 - Khoản 341	**13.772.000.000**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.492.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	9.280.000.000
2	**Chi sự nghiệp**	**1.441.000.000**
	Loại 340 - Khoản 341	**1.441.000.000**
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	721.000.000
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	720.000.000

Biểu số 2- Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của BTC

Đơn vị: Sở Ngoại vụ tỉnh Cao Bằng

Chương: 411

DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo QĐ số 1996/QĐ-SNgV ngày 24/12/2022 của Sở Ngoại vụ tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	**Chi từ nguồn thu được để lại**	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**886.000.000**
1	**Chi quản lý hành chính**	**886.000.000**
	Loại 340 - Khoản 341	**886.000.000**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	886.000.000
2	**Chi sự nghiệp**	
	Loại 340 - Khoản 341	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	